

Bản án số: 494/2021/DSPT

Ngày 21/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Bà Lê Thị Anh Minh

Thư ký Tòa án: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/5/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLPT-DS ngày 05/01/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bản án dân sự sơ thẩm số 897/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1657/2021/QĐXXPT-DS ngày 14/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4353/2021/QĐST-DS, ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Đường L, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Trương Thị Thùy D

Địa chỉ: Đường C, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/04/2020). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Bùi Nguyên B, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Đường Đ, Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền số công chứng 024890, quyển số 12, ngày 24/12/2019 tại Văn Phòng Công chứng M). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lữ Đức K

Địa chỉ: Đường R, khu phố B, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Bùi Nguyên B, sinh năm: 1946. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường Đ, Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số công chứng 25776, quyền số 6, ngày 13/7/2018 tại Phòng Công chứng B).

3.2. Bà Nguyễn Ngọc Thanh P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

3.5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3.6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3.7. Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.8. Ông Võ Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

3.9. Cháu Nguyễn Vi T, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Cùng lưu trú: Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 06 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Thùy D trình bày:

Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số OIK.CN.153.171016 ngày 17/10/2016, Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Bùi Thị Mỹ H bằng các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.154.171016 ngày 17/10/2016 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 225319989 ngày 18/10/2016. Mức cấp tín dụng: 2.200.000.000 đồng, số tiền thực tế giải ngân là 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, từ ngày 18/10/2016 đến ngày 18/10/2031, phương thức vay: cho vay từng lần, mục đích mua nhà đất thửa số 883, tờ bản đồ số 25, xã Đ, huyện H. Lãi suất trong hạn 9,20%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Từ ngày 18/10/2017 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = $LS13 + 4,85\%/năm + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 22/5/2018 Ngân hàng và bà H ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số OIK.CN.154.171016/SĐBS-01 về việc thay đổi tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 02/4/2018, ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 02/5/2018 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/11/2020, bà H còn nợ ngân hàng các khoản sau: Bà H đã trả xong vốn gốc, bà H còn nợ lại Ngân hàng tiền lãi trong hạn từ ngày 18/12/2017 đến ngày 02/5/2018 là 94.128.445 đồng, lãi quá hạn từ ngày 02/5/2018 đến ngày 12/11/2019 là 21.621.781 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.688.170217 ngày 20/02/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 232547789 ngày 20/02/2017, chi tiết như sau: Tổng mức cấp tín dụng 4.600.000.000 đồng, số tiền thực tế giải ngân 4.600.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/02/2032, phương thức vay là cho vay từng lần, mục đích mua nhà đất ấp M, xã T, huyện H, lãi suất trong hạn 9,00%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Từ ngày 20/02/2018 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = $LS13 + 5,53\%/năm + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 22/5/2018 Ngân hàng và bà H ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số OIK.CN.688.170217/SĐBS-01 về việc thay đổi tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 02/4/2018, ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 02/5/2018 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của khế ước nhận nợ số 232547789 ngày 20/02/2017 sang nợ quá hạn.

Ngày 20/5/2019 bà H đã trả cho ngân hàng tiền gốc 100.000.000 đồng cho khế ước 232547789.

Tính đến ngày 21/5/2021 bà H còn nợ ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc 4.237.529.895 đồng, lãi trong hạn từ ngày 20/11/2017 đến ngày 02/5/2018 là 214.061.580 đồng, lãi quá hạn từ ngày 02/5/2018 đến ngày 21/5/2021 là 2.526.831.530 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu phạt chậm trả 698.057 đồng, tổng cộng là 6.978.423.005 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.698.010317 ngày 02/03/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 233280369 ngày 02/03/2017, chi tiết như sau: Tổng mức cấp tín dụng là 1.000.000.000 đồng, số tiền thực tế giải ngân là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 02/03/2017 đến ngày 02/03/2027, phương thức vay là cho vay từng lần, mục đích tiêu dùng, lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 9,70%/năm. lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Từ ngày 02/06/2017 trở đi lãi suất thay đổi 03 tháng/lần, được xác định bằng công thức: Lãi suất vay = $LS13 + 4,70\%/năm + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 22/5/2018 Ngân hàng và bà H ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số OIK.CN.698.010317/SĐBS-01 về việc thay đổi tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 02/4/2018, ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày

02/5/2018 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của khế ước nhận nợ số 233280369 ngày 02/3/2017 sang nợ quá hạn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà H đã trả cho ngân hàng tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 25/5/2020 cho khế ước 233280369.

Tính đến ngày 21/5/2021, bà H còn nợ ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc 752.939.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 02/12/2017 đến ngày 02/5/2018 là 44.782.249 đồng, lãi quá hạn từ ngày 02/5/2018 đến ngày 21/5/2021 là 502.313.474 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu phạt chậm trả 248.531 đồng. Tổng cộng là 1.300.034.723 đồng.

Như vậy, tổng dư nợ của tất cả các khoản vay tính đến ngày 21/5/2021 (ngày xét xử phúc thẩm) là: Vốn gốc: 4.990.468.895 đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 đồng, lãi quá hạn: 3.050.766.785 đồng. Tổng cộng là 8.394.207.954 đồng.

Tài sản thế chấp của 03 khế ước nhận nợ trên là nhà đất ấp M, xã T, huyện H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00282 do UBND huyện H cấp cho bà Bùi Thị Mỹ H ngày 11/5/2010.

Ngoài ra, ngày 17/10/2016 ông Lữ Đức K có ký giấy cam kết trả nợ, nội dung là ông K đồng ý cùng trả nợ với bên được cấp tín dụng là bà Bùi Thị Mỹ H khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với ngân hàng bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 21/5/2021 (ngày xét xử phúc thẩm) là 8.394.207.954 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 4.990.468.895 đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 đồng, lãi quá hạn: 3.050.766.785 đồng. Yêu cầu bà H trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 22/5/2021 cho đến khi trả hết số nợ.

Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất ấp M, xã T, huyện H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00282 do UBND huyện H cấp ngày 11/5/2010 để thu hồi nợ.

Đồng thời yêu cầu ông Lữ Đức K liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị Mỹ H có ông Bùi Nguyên B trình bày:

Ngân hàng TMCP A và bà Bùi Thị Mỹ H ký hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 15 năm, từ tháng 02/2017 đến năm 2032 mới hết hạn hợp đồng, bà H bị lừa mất một số tiền lớn, rơi vào hoàn cảnh bất khả kháng nên bà H có xin Ngân hàng khoan nợ gốc và miễn tiền lãi các khoản, nhưng Ngân hàng lại chuyển

sang thu hồi nợ trước hạn là sai với quy định của Ngân hàng Nhà nước, không giải quyết đơn cho khách hàng, không xem xét hoàn cảnh bất khả kháng của khách hàng rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Ông Lữ Đức K có cam kết là tài sản riêng của Bùi Thị Mỹ H nên ông K không còn trách nhiệm và không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2019 và bản khai ngày 16/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Ngọc Thanh P trình bày:

Ngày 26/9/2017 bà với bà H có ký hợp đồng chuyển nhượng và đặt cọc căn nhà ấp M, xã T, huyện H. Lần 1, ngày 26/9/2017 bà đưa cho bà H số tiền 500.000.000 đồng. Lần 2, ngày 29/9/2017 bà đưa số tiền 3 tỷ đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau 01 tháng hoặc sớm hơn. Đến ngày hẹn ra công chứng nhưng bà H không thực hiện, sau này bà được biết bà H đã thế chấp nhà đất này cho Ngân hàng trước khi bán cho bà. Sau mấy tháng bà nhận lại được 190.000.000 đồng, sau đó bà nhận tiếp cho đến nay, tổng cộng là 1.750.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H trả tiếp số tiền còn lại là 1.750.000.000 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Ngọc Thanh P, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoàng K, ông Võ Văn N, cháu Nguyễn Vi T vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 897/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Bùi Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tính đến ngày 25/11/2020 tổng cộng số tiền là 7.926.996.124 (bảy tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn một trăm hai mươi bốn) đồng, trong đó vốn gốc là 4.990.468.895 (bốn tỷ chín trăm chín mươi triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm chín mươi lăm) đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 (ba trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm bảy mươi bốn) đồng, lãi quá hạn: 2.585.554.955 (hai tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm năm mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/11/2020) cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ: Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.688.170217 ngày 20/02/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 232547789 ngày 20/02/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.698.010317 ngày 02/03/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 233280369 ngày 02/03/2017 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

- Ngay sau khi bà H trả hết số nợ trên, Ngân hàng thương mại cổ phần A có nghĩa vụ làm thủ tục xóa nội dung đăng ký thế chấp và hoàn trả bản chính bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đấtsố CH 00282 do UBND huyện H cấp ngày 11/5/2010, đăng ký thay đổi ngày 17/02/2017. Và các giấy tờ liên quan đến giấy chứng nhận nêu trên cho bà H.

- Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất ấp M, xã T, huyện H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00282 do UBND huyện H cấp ngày 11/5/2010, đăng ký thay đổi ngày 17/02/2017 để thu hồi nợ.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lữ Đức K liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07/12/2020, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 897/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/12/2020, Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 897/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A do bà Trương Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 21/5/2021 là 8.394.207.954 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 4.990.468.895 đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 đồng, lãi quá hạn: 3.050.766.785 đồng. Yêu cầu bà H trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 22/5/2021 cho đến khi trả hết số nợ.

Nếu bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất ấp M, xã T, huyện H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00282 do UBND huyện H cấp ngày 11/5/2010 để thu hồi nợ.

Đồng thời yêu cầu ông Lữ Đức K liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bùi Thị Mỹ H có ông Bùi Nguyên B trình bày:

- Ông B thống nhất với yêu cầu khởi kiện của phía ngân hàng. Tại biên bản làm việc ngày 30/3/2021 cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông B thừa nhận

giấy cam kết ngày 17/10/2016 do chính ông Lữ Đức K viết. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình bà H khó khăn, bà H đang bị bệnh nên mong ngân hàng giảm nhẹ số tiền lãi cho phía bà H. Đồng thời, ngày 12/3/2021. Ông Bùi Nguyên B có đơn yêu cầu rút đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử miễn giảm tiền án phí cho bà H vì hiện nay bà H đang bị bệnh và hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Đức K có ông Bùi Nguyên B trình bày trình bày:

Ông K đồng ý cùng bà H liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả nợ cho ngân hàng theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Mỹ H;

+ Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại cổ phần A.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng cụ thể:

- Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.154.171016 ngày 17/10/2016 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 225319989 ngày 18/10/2016. Mức cấp tín dụng: 2.200.000.000 đồng;

- Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.688.170217 ngày 20/02/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 232547789 ngày 20/02/2017, chi tiết như sau: Tổng mức cấp tín dụng 4.600.000.000 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.698.010317 ngày 02/03/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 233280369 ngày 02/03/2017, chi tiết như sau: Tổng mức cấp tín dụng là 1.000.000.000 đồng;

Và căn cứ vào các hợp đồng sửa đổi bổ sung và sự thừa nhận giữa các bên đương sự, thể hiện: Tổng dư nợ của tất cả các khoản vay giữa bà H và phía ngân hàng Thương mại cổ phần A tính đến ngày 21/5/2021 bà H còn nợ phía ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 8.394.207.954 đồng. Trong đó: Vốn

gốc: 4.990.468.895 đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 đồng, lãi quá hạn: 3.050.766.785 đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu bà Bùi Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền là 8.394.207.954 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 4.990.468.895 đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 đồng, lãi quá hạn: 3.050.766.785 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu ông Lữ Đức K liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Nguyên B là đại diện theo ủy quyền cho ông Lữ Đức K không thừa nhận chữ ký trong giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016 là của ông Lữ Đức K. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Nguyên B là đại diện theo ủy quyền cho ông Lữ Đức K thừa nhận chữ ký trong giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016 là của ông Lữ Đức K và đồng ý ông Lữ Đức K sẽ liên đới cùng với bà Bùi Thị Mỹ H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu ông Lữ Đức K liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 17/10/2016 là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần A giảm số tiền lãi trong hạn và quá hạn vì hiện nay bị đơn đang bị bệnh và có hoàn cảnh khó khăn nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Do đó, yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn giảm một phần lãi trong hạn và quá hạn không được chấp nhận.

Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền cho bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm miễn giảm tiền án phí sơ thẩm cho bà Bùi Thị Mỹ H vì hiện nay bà H đang bị bệnh tiểu đường và hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn xin miễn giảm tiền án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bệnh tật của bà Bùi Thị Mỹ H đề ngày 29/3/2021 bà H có trình bày từ năm 2019 cho đến nay thường xuyên phải nằm viện điều trị bệnh tiểu đường và bệnh tim do sinh con đẻ non (7 tháng) nên sức khỏe yếu, mang nhiều thứ bệnh và phải nghỉ làm nên hoàn cảnh kinh tế vô cùng khó khăn nên không có nguồn kinh phí để hoàn trả án phí dân sự sơ thẩm. Trong đơn xin miễn giảm án phí của bà H có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H xác nhận hiện nay bà H có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giảm 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là 115.926.996 (một trăm mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi sáu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với ý kiến của bà Nguyễn Ngọc Thanh P – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà yêu cầu bà H trả tiếp số tiền còn lại là 1.750.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P đến Tòa làm việc để xác định lại yêu cầu, nhưng bà P vắng mặt, bà P không có đơn yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà P, bà P có quyền yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hoàng K, ông Võ Văn N, cháu Nguyễn Vi T không đến Tòa cũng như không trình bày ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên và trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu rút đơn kháng cáo của bị đơn và sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 155; 156; 157; 158; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 299 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc bà Bùi Thị Mỹ H và ông Lữ Đức K có trách nhiệm liên đới trả ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm (21/5/2021) là 8.394.207.954 (Tám tỷ, ba trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đồng. Trong đó: Vốn gốc: 4.990.468.895 (Bốn tỷ, chín trăm chín mươi triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi lăm) đồng, lãi trong hạn: 352.972.274 (Ba trăm năm mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng, lãi quá hạn: 3.050.766.785 (Ba tỷ, không trăm năm mươi triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Buộc ông Lữ Đức K liên đới cùng với bà Bùi Thị Mỹ H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất ấp M, xã T, huyện H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00282

do UBND huyện H cấp ngày 11/5/2010, đăng ký thay đổi ngày 17/02/2017 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày 21/5/2021 trở đi, bà Bùi Thị Mỹ H và ông Lữ Đức K phải tiếp tục thanh toán gốc và lãi theo các hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.688.170217 ngày 20/02/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 232547789 ngày 20/02/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.698.010317 ngày 02/03/2017 và giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 233280369 ngày 02/03/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mỹ H phải chịu 116.394.208 (Một trăm mười sáu triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ tám) đồng. Do bà H có làm đơn xin miễn giảm tiền án phí vì hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật có xác nhận của chính quyền địa phương nên bà H được giảm 50% án phí. Bà H còn phải nộp 58.197.104 (năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm lẻ bốn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 56.865.433 đồng, theo biên lai thu số 0020853 ngày 14/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Bùi Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0077179 ngày 15/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0077147 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Bùi Thị Mỹ H có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 (năm triệu) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Việt Hồng